TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **33**/2023/DS-ST
Ngày: 19/9/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Lam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Lê Văn Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Loan Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023 tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2023/TLST-DS Ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng X**

Địa chỉ: phường A, quận B, thành phố C.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trúc P** - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng X, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: ấp A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 110/UQ-NHX lập ngày 18/9/2023) (Có mặt)

- *Bị đơn*: Bà **Võ Thu H.**

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông **Võ Minh S.**

Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 3 năm 2023 của nguyên đơn Ngân hàng X và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Trúc P trình bày:

Ngân hàng X có cho bà Võ Thu H vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Khoản vay thứ nhất:

Ngày 26/4/2020, Phòng giao dịch Ngân hàng X huyện C đã giải ngân cho bà Võ Thu H vay số tiền 50.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay là cải tạo vườn tạp trồng dừa, lãi suất 8,25%/năm, lãi quá hạn 10,725%/năm. Thời hạn vay là 60 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 10/4/2025. Số dư nợ gốc đến ngày 15/3/2023 là 47.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận trả nợ thì 12 tháng trả gốc 01 lần số tiền là 10.000.000 đồng, lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 10. Tuy nhiên, đến nay món vay đã đến hạn trả nợ phân kỳ 2 lần số tiền 20.000.000 đồng nhưng bà Võ Thu H và ông Võ Minh S không thực hiện trả nợ đúng theo hợp đồng và còn nợ tiền gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 15/3/2023 là 2.900.000 đồng.

- Khoản vay thứ hai:

Ngày 10/3/2021, Phòng giao dịch Ngân hàng X huyện C đã giải ngân cho bà Võ Thu H vay số tiền 15.000.000 đồng. Mục đích sử dụng tiền vay là vô nước máy và nhà vệ sinh, lãi suất 9%/năm, lãi quá hạn 11,7%/năm. Thời hạn vay là 60 tháng, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 10/3/2026. Số dư nợ gốc đến ngày 15/3/2023 là 15.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận trả nợ thì 06 tháng trả gốc 01 lần số tiền là 1.500.000 đồng, lãi trả định kỳ hàng tháng vào ngày 10. Tuy nhiên, đến nay món vay đã quá hạn trả nợ phân kỳ 4 lần số tiền 6.000.000 đồng nhưng bà Võ Thu H và ông Võ Minh S không thực hiện trả nợ đúng theo hợp đồng và còn nợ tiền gốc là 6.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày 15/3/2023 là 1.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng X yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Võ Thu H và ông Võ Minh S có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng X tổng số tiền là 29.000.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 26.000.000 đồng và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 15/3/2023 là 3.000.000 đồng, lãi sẽ được cộng thêm từ ngày 16/3/2023 cho đến khi bà H, ông S trả tất nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/9/2023 thì bà Võ Thu H, ông Võ Minh S còn nợ Ngân hàng X tổng số tiền của 02 khoản vay như sau:

+ Tổng số tiền nợ của khoản vay ngày 26/4/2020 là 51.862.693 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 47.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 4.862.693 đồng)

+ Tổng số tiền nợ của khoản vay ngày 10/3/2021 là 16.690.278 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 15.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 1.690.278 đồng)

Do đó, Ngân hàng X yêu cầu bà Võ Thu H, ông Võ Minh S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng X số tiền nợ như đã nêu trên và tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong khoản nợ theo mức lãi suất của các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã thỏa thuận ký kết.

Đối với bị đơn bà Võ Thu H: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ

Thu H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng bà Võ Thu H vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh S: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Minh S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng ông Võ Minh S vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng X khởi kiện yêu cầu bà Võ Thu H, ông Võ Minh S phải trả số tiền vốn vay, tiền lãi còn nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Võ Thu H cư trú tại ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn bà Võ Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Võ Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh S.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X yêu cầu bà Võ Thu H, ông Võ Minh S phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng X số tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh của 02 khoản vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm với tổng số tiền là 68.552.971 đồng,cụ thể như sau:

+ Tổng số tiền nợ của khoản vay ngày 26/4/2020 là 51.862.693 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 47.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 4.862.693 đồng)

+ Tổng số tiền nợ của khoản vay ngày 10/3/2021 là 16.690.278 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 15.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 1.690.278 đồng)

Đồng thời, yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi thi hành xong các khoản nợ theo mức lãi suất của các hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết thì thấy rằng: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì nguyên đơn đã cung cấp chứng cứ là các hồ sơ vay vốn của bà Võ Thu H (Bút lục 14 đến 21), căn cứ vào các hồ sơ vay vốn này đã thể hiện: Ngày 26/4/2020 Phòng giao dịch Ngân hàng X huyện C có cho bà Võ Thu H vay theo chương trình hộ mới thoát nghèo với số tiền vốn vay là 50.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 0,6875%/tháng, lãi quá hạn 0,89375%/tháng. Thời hạn vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 10/4/2025. Đến ngày 10/3/2021 Ngân hàng X huyện C tiếp tục cho bà Võ Thu H vay số tiền vốn là 15.000.000 đồng theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, lãi suất trong hạn là 0,75%/tháng, lãi quá hạn 0,975%/tháng. Thời hạn vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần, ngày trả nợ cuối cùng là ngày 10/3/2026. Các hợp đồng tín dụng này được các bên ký kết theo quy định của pháp luật; Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho bà Võ Thu H nhận số tiền vốn vay theo các hợp đồng như đã nêu trên . Việc thỏa thuận vay tiền giữa bà Võ Thu H với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự là hợp đồng, phù hợp với quy định tại các Điều 116, 117, 118, 385 Bộ luật Dân sự năm 2015, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 119, 398, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; hợp đồng đã có hiệu lực theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015; thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vẫn còn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi vay vốn bà Võ Thu H đã không thực hiện trả nợ đúng theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bà Võ Thu H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền của 02 khoản vay là 68.552.971 đồng, cụ thể như sau: Tổng số tiền nợ của khoản vay ngày 26/4/2020 là 51.862.693 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 47.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 4.862.693 đồng); Tổng số tiền nợ của khoản vay ngày 10/3/2021 là 16.690.278 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 15.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 1.690.278 đồng)

Xét thấy, do bà Võ Thu H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết nên Ngân hàng X yêu cầu bà Võ Thu H, ông Võ Minh S trả lại toàn bộ số tiền nợ gốc còn nợ và số tiền lãi phát sinh như vừa nêu là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, các khoản 1, 2 Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Mặc dù bà Võ Thu H là người trực tiếp ký kết hợp đồng vay vốn với Ngân hàng X. Tuy nhiên, việc vay vốn này được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Võ Thu H và ông Võ Minh S; mục đích của việc vay tiền là để chi tiêu, cũng như sử dụng chung cho hộ gia đình, phát triển kinh tế gia đình…Khi vay vốn thì các thành viên hộ gia đình của bà Võ Thu H (trong đó có ông Võ Minh S) đều ủy quyền cho bà Võ Thu H vay vốn. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bà Võ Thu H, ông Võ Minh S cùng có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng X số tiền vốn và lãi vay như đã nêu trên.

[3] Từ phân tích trên nhận thấy việc Ngân hàng X yêu cầu bà Võ Thu H, ông Võ Minh S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng X tổng số tiền nợ của hai khoản vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 68.552.971 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 62.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 6.552.971 đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/9/2023) bà Võ Thu H, ông Võ Minh S còn phải chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng (Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay lập ngày 28/3/2020 – Ngân hàng phê duyệt ngày 16/4/2020) và Hợp đồng tín dụng (Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay lập ngày 20/02/2021 – Ngân hàng phê duyệt ngày 08/3/2021) cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng (Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay) nêu trên các bên có thỏa thuận điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng X thì mức lãi suất mà bà Võ Thu H, ông Võ Minh S phải tiếp tục thanh toán theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng X.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Ngân hàng X thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí.

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Võ Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh S phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là (68.552.971 đồng x 05%) = 3.427.648 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 385, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điểm c Khoản 1 Điều 11 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X.

Buộc bà Võ Thu H, ông Võ Minh S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng X số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19 tháng 9 năm 2023) tổng cộng là 68.552.971 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 62.000.000 đồng và nợ lãi là 6.552.971 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/9/2023) bà Võ Thu H, ông Võ Minh S còn phải chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng (Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay lập ngày 28/3/2020 – Ngân hàng phê duyệt ngày 16/4/2020) và Hợp đồng tín dụng (Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay lập ngày 20/02/2021 – Ngân hàng phê duyệt ngày 08/3/2021) cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng (Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay) nêu trên các bên có thỏa thuận điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng X thì mức lãi suất mà bà Võ Thu H, ông Võ Minh S phải tiếp tục thanh toán theo bản án của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng X.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng X thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí.

Bị đơn bà Võ Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Minh S phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 3.427.648 đồng.

3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy Lam